

## PHỤ LỤC SỐ 01

### BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: ...../BC-BTP ngày ...../...../2016 của Bộ Tư pháp)

Số vụ vi phạm (vụ)						Số đối tượng bị xử phạt (đối tượng)									Tình hình thi hành các quyết định XPVPHC								
Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra								Số quyết định XPVPHC (quyết định)		Số quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành <b>phạt tiền</b> (quyết định)	Số quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành (quyết định)	Số quyết định XPVPHC bị khiếu nại (quyết định)	Số quyết định XPVPHC bị khởi kiện (quyết định)	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	Tổng số tiền phạt thu được (đồng)	
	Số vụ đã bị xử phạt	Số vụ chưa xử phạt	Số vụ chuyển xử lý bằng hình thức khác				Tổng số	Tổ chức	Cá nhân						Đã thi hành	Chưa thi hành xong							
			Tổng số	Chia ra					Người thành niên		NCTN		Tổng số	Chia ra									
	Truy cứu TNHS	Áp dụng biện pháp thay thế đối với		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra												
			Nam		Nữ			Nam	Nữ		Nam	Nữ											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
<b>3,348,063</b>	3,249,223	60,743	38,097	3,279	34,818	<b>2,974,380</b>									2,949,945	2,734,335	215,610	3,589	2,067	213	35	170,146,433,685	2,773,161,221,342

*Chú thích:*

Cột (1) = Cột (2 + 3 + 4).

Cột (4) = Cột (5 + 6).

Cột (6): Biện pháp nhắc nhở.

Cột (7) = Cột (8 + 9).

Cột (9) = Cột (10 + 13).

Cột (10) = Cột (11 + 12).

Cột (13) = Cột (14 + 15).

Cột (16) = Cột (17 + 18).

Cột (17): Đã thực hiện xong hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả.

Cột (18): Bao gồm các quyết định XPVPHC chưa được thi hành và các quyết định XPVPHC đã được thi hành nhưng chưa thi hành xong.

TNHS: Trách nhiệm hình sự.

NCTN: Người chưa thành niên.

XPVPHC: Xử phạt vi phạm hành chính.



## **GIẢI THÍCH MẪU SỐ 1**



**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số: ...../BC-BTP ngày ...../.....2016 của Bộ Tư pháp)

Số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các BPIXLHC (đối tượng)					Số đối tượng bị áp dụng các BPIXLHC (đối tượng)								Số NCTN bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình (đối tượng)	Tình hình thi hành các quyết định áp dụng các BPIXLHC của TAND cấp huyện (đối tượng)					Số vụ bị khiếu nại (vụ)	Số vụ bị khởi kiện (vụ)
Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra														
	GDTXPTT	Đưa vào TGD	Đưa vào CSGDBB	Đưa vào CSCNBB		Giới tính	Các BPIXLHC													
							Số đối tượng bị áp dụng biện pháp GDTXPTT theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	Tổng số	Chia ra											
Nam	Nữ	Đưa vào TGD	Đưa vào CSGDBB	Đưa vào CSCNBB																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
28,212	12,552	672	3,418	11,570	25,501			11,945	13,556	356	2,606	10,594	1,533	7,093	41	34	48	54	206	22

Chú thích:

Cột (1) = Cột (2 + 3 + 4 + 5).

Cột (6) = Cột (7 + 8) = Cột (9 + 10).

Cột (10) = Cột (11 + 12 + 13).

BPIXLHC: Biện pháp xử lý hành chính.

GDTXPTT: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

TGD: Trường giáo dưỡng.

CSGDBB: Cơ sở giáo dục bắt buộc.

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

NCTN: Người chưa thành niên.

TAND: Toà án nhân dân.